

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/DS-ST

Ngày: 28/3/2025

“V/v tranh chấp kiện đòi nợ tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Trúc.
- Ông Nguyễn Văn Thám.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công đối với vụ án thụ lý số: 66/2024/TLST-DS ngày 22/7/2024 về việc “*Tranh chấp kiện đòi nợ tiền*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 20/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2025/QĐST-DS ngày 17/3/2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Phan K, sinh năm 1973; Địa chỉ theo đơn khởi kiện: Tổ 2, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Số 81/11 Ngô Mây, Tổ 45, Khu vực 8, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông K vừa là người có quyền lợi liên quan tham gia tố tụng bên nguyên đơn: Bà Lâm Thị Phượng, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 81/11 Ngô Mây, Tổ 45, Khu vực 8, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là Đông), sinh năm 1978; Địa chỉ: 91A Ngô Thị Nhậm, Tổ 2, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt không lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn V- Luật sư - Văn phòng Luật sư Phan Anh Cảnh - Chi nhánh tại Gia Lai; Địa chỉ: Số 1422 Quang Trung, phường X, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

- Trần Thị Thúy T, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn 5, xã U, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Võ Thị L, Địa chỉ 1320 Quang Trung, Tổ 2 phường S, thị xã A, Gia Lai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Lâm Thị B, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 2, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Phan Thị P; địa chỉ: 66/23 Hoàng Văn Thụ, Tổ 5, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện nguyên đơn trình bày: Vào ngày 25/1/2023 tôi có đưa tiền cho vợ tôi là bà Lâm Thị Phụng tham gia chơi hụi với bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là Đông) do bà Hà làm chủ hụi, mỗi tháng đóng 8.000.000đ;

Từ ngày 25/01/2023 đến ngày 25/8/2023 là 09 tháng, số tiền đóng là 72.000.000.000đ;

Từ ngày 25/5/2023 đến ngày 25/8/2023 tham gia dây hụi thứ 2, mỗi tháng đóng 8.000.000đ, đóng được 4 tháng là 32.000.000đ;

Từ ngày 25/4/2023 đến 25/8/2023 tham gia dây hụi thứ ba, mỗi tháng đóng 8.000.000đ, đóng 5 tháng là 40.000.000đ; Tổng cộng là 144.000.000đ.

Tiền của Lâm Thị Liên từ 25/01/2023 đến 25/8/2023 đóng 9 tháng là 72.000.000đ; tiền của Trần Thị Thúy T từ 25/02/2023 đến 25/8/2023 là 7 tháng mỗi tháng đóng 1.600.000đ là 11.2000.000đ; Tiền của Lâm Thị Phụng đóng từ 25/6/2023 đến 25/8/2023 là 3 tháng, mỗi tháng đóng 8.000.000đ là 24.000.000đ.

Đến ngày 16/10/2023 Âm lịch bà Hà tuyên bố bế hụi và ghi chốt số tiền nợ của tôi, vợ tôi (bà P), của Lâm Thị Liên, Trần Thị Thúy T vào 01 giấy với nội dung “Đông nợ Hiệp 251.200.000đ” và hẹn với vợ tôi (Lâm Thị Phụng) là qua tết âm lịch sẽ trả, nhưng đến nay đã hơn 8 tháng vẫn không trả.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu bà Hà trả cho tôi số tiền 251.200.000đ. Không yêu cầu trả lãi.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ là 01 giấy chốt nợ đề ngày 15/10/2023 âm lịch trong đó ghi nội dung “15/10 âm lịch 2023 Đông nợ Hiệp 251.000.000”; và 01 USB chứa file ghi âm về cuộc hội thoại giữa bà P với bà Hà (Đông) trong đó thể hiện nội dung bà Hà tuyên bố bế hụi, hứa bà P khi nào bán được nhà, đất sẽ trả tiền cho ông K.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác là Đông) tại bản khai ngày 06/8/2024 trình bày: Tôi không quen biết ông Phan K, tôi chỉ biết bà Lâm Thị B. Tôi và bà Lâm Thị B quen biết nhau quan làm ăn buôn bán. Tôi có mượn bà B 251.200đ và tôi có viết giấy có nội dung “15/10 Âm lịch Đông nợ Hiệp 251.200” nghĩa là tôi nợ bà B 251.200đ, tuy nhiên vì bà B nói tôi ghi nợ ông K nên tôi ghi Đông nợ Hiệp 251.200đ, tôi xem giấy nợ tiền ông K giao nộp cho Tòa án, tôi xác định những số ghi thêm phía sau không phải chữ của tôi, do ông ghi vào, nếu cần Tòa án giám định chữ ký của tôi.

Tại phiên hòa giải ngày 19/8/2024 bà Hà trình bày: Tôi thừa nhận tôi có nợ nguyên đơn ông Phan K số tiền 251.200đ, chứ không phải nợ 251.200.000đ như nguyên đơn khởi kiện. Trong giấy nhận nợ tôi ghi: “15/10 âm lịch Đông nợ Hiệp 251.200” chứ không phải 251.200.000đ như nguyên đơn khởi kiện, theo tôi ba số

000 trong giấy nhận nợ bản gốc ông K xuất trình là do ghi thêm vào sau khi tôi đã ghi nội dung nêu trên. Tôi yêu cầu trưng cầu giám định ba số 000 này có phải viết cùng thời điểm tôi viết giấy nhận nợ nêu trên hay không, hay do sau đó viết thêm vào.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành trưng cầu giám định, tuy nhiên tại văn bản số: 912/CVGD-KHHS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai trả lời từ chối giám định với lý do: “*Nội dung yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn (Hiện nay các tổ chức giám định công lập về kỹ thuật hình sự chưa thực hiện giám định tuổi mực (có viết cùng thời điểm hay không)) và không có đủ điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định. Đặc điểm các số trong dãy số 251.200.000 trên mẫu cần giám định thể hiện ít, không đủ yếu tố để giám định*”.

Tại phiên tòa hôm nay Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Nguyễn V vắng mặt, tuy nhiên trong Đơn trình bày ý kiến (khi còn tham gia tố tụng với tư cách Đại diện bị đơn) ngày 05/02/2024 gửi cho Tòa án nêu lập luận: Thứ nhất: Ông K cho rằng có chơi hụi với bà Hà và những người khác theo đơn khởi kiện của ông K là không đúng, bà Hà khẳng định không quen biết những người mà ông K nói trong đơn khởi kiện. Nếu ông K cho rằng số tiền ông K kiện là tiền chơi hụi thì ông K phải khởi kiện bằng vụ án khác, chứ không phải yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Thứ hai: Đối với số tiền ông K khởi kiện yêu cầu bà Hà trả là 251.200.000đ, thì bà Hà đã trả lời là không nợ số tiền trên, theo lời khai của bà Hà thì bà Hà chỉ mua hàng hóa của ông K và nợ số tiền 251.200đ, còn chứng cứ do ông K cung cấp là do ông K tự ghi thêm số 000 vào. Nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hà trả cho ông K 251.200.000đ. Buộc bà Hà chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày của bên nguyên đơn, ý kiến đề xuất hướng giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H còn có tên gọi khác là Đông, có địa chỉ cư trú 91A Ngõ Thị Nhậm, Tô 2, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả lại tiền còn nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp kiện đòi nợ tiền”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 26/8/2024 bà Nguyễn Thị H có làm Giấy ủy quyền cho ông Nguyễn V làm đại diện của bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng với tư cách bị đơn thay bà Hà. Ngày 20/3/2025 bà Nguyễn Thị H có văn bản Thông báo về việc chấm dứt việc ủy quyền cho ông Nguyễn V và bà Hà tự tham gia tố tụng, đồng thời bà Hà làm giấy

yêu cầu Luật sư, trong đó yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Luật sư Phan Anh Cảnh tại Gia Lai cử Luật sư Nguyễn V làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hà trong vụ án này. Tuy nhiên tại phiên tòa mở lần thứ hai hôm nay, bị đơn bà Hà và Luật sư Nguyễn V vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Đối với bà Lâm Thị Phụng, Lâm Thị Liên, Trần Thị Thúy T trong quá trình giải quyết vụ án, họ không có yêu cầu khởi kiện gì đối với bà Hà, theo ông K trình bày số tiền bà Hà chót nợ 251.200.000đ trong đó bao gồm có cả tiền vợ chồng ông K bà P, bà Lâm Thị Liên, bà Trần Thị Thúy T, tuy nhiên chỉ có bà Lâm Thị Phụng tham gia tố tụng và có yêu cầu cụ thể, còn bà Lâm Thị Liên, Trần Thị Thúy T không có yêu cầu gì. Hội đồng xét xử xác định bà Lâm Thị Phụng trong vụ án này vừa là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vừa tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi liên quan tham gia tố tụng bên nguyên đơn. Đối với bà Lâm Thị Liên, bà Trần Thị Thúy T không có yêu cầu tham gia tố tụng với tư cách đương sự, nên xác định họ tham gia với tư cách người làm chứng trong vụ án.

[2] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về giao dịch xác lập thời điểm 15/10 âm lịch, theo hai bên thừa nhận là 15/10/2023 âm lịch; thời điểm này Bộ luật dân sự (BLDS) 2015 đang có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông K cho rằng giữa vợ ông K (bà Lâm Thị Phụng) với bà Hà có tham gia chơi hụi, bà Hà là chủ hụi và tính đến thời điểm bà Hà viết giấy ghi nhận số nợ ông K là hai bên chót số tiền bà Hà (Đồng) còn nợ ông K, nên bà Hà mới viết giấy “Ngày 15/10 âm lịch Đồng nợ Hiệp 251.200.000đ”.

Bà Hà thừa nhận có viết giấy chót số tiền còn nợ ông K, nhưng số tiền nợ chỉ là 251.200đ (Hai trăm năm mươi một nghìn hai trăm đồng), không phải 251.200.000đ (Hai trăm năm mươi một triệu hai trăm nghìn đồng) như ông K khởi kiện, bà Hà còn khai số tiền nợ 251.200đ mà bà nợ ông K là tiền nợ phát sinh do bà Hà mua hàng hóa của ông K.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Hà thừa nhận có nợ tiền và có viết giấy nhận nợ cho ông K như ông K xuất trình, nhưng không thừa nhận số tiền nợ là 251.200.000đ. Như vậy việc bà Hà còn nợ tiền ông K là không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Bà Hà bà cho rằng không phải số nợ là 251.200.000đ, mà chỉ 251.200đ (Hai trăm năm mươi một nghìn hai trăm đồng), nguồn gốc số nợ này là do mua hàng tạp hóa của ông K còn nợ. Lời khai này của bà Hà không được nguyên đơn công nhận. Bà Hà và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp bà Hà cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc mua hàng hóa của ông K là hàng gì? giá bao nhiêu? Đã trả bao nhiêu còn lại nợ 251.200đ như bà Hà khai.

Ông K khai nguồn gốc số nợ này là do ông K thông qua vợ là bà Lâm Thị Phụng cùng với những người tham gia khác là Lâm Thị Liên, Lâm Thị B, Trần Thị Thúy T tham gia chơi hụi với bà Hà, bà Hà là chủ hụi. Từ ngày 25/01/2023 đến ngày 25/4/2023 ông K có tham gia góp hụi gồm 03 dây hụi, mỗi dây hụi ông đóng 8.000.000đ/tháng. Đến thời điểm 15/10 Âm lịch 2023 bà Hà tuyên bố bỏ nợ

nên bà Hà viết giấy chót nợ cho ông K trong đó bao gồm tiền góp hui của vợ chồng ông K, bà Lâm Thị Liên, bà Trần Thị Thúy T gộp chung vào bà Hà ghi nợ ông K số tiền 251.200.000đ. Ông K cung cấp cho Tòa 01 USB chứa file ghi âm cuộc hội thoại giữa bà Lâm Thị Phụng với bà Hà và cung cấp danh sách những người làm chứng là những người tham gia chơi hui cùng với ông K với bà Hà, họ đều xác nhận bà Hà là chủ hui, ông K thông qua vợ là bà Lâm Thị Phụng đóng hui cho bà Hà.

Tại phiên tòa hôm nay những người làm chứng cũng đã xác nhận lời khai của ông K, bà P về nguồn gốc số tiền bà Hà ghi giấy nợ cho ông K là từ số tiền bà Hà nợ vợ chồng ông K, bà Liên, bà T khi những người này đóng hui cho bà Hà.

Trong 01 file ghi âm mà nguyên đơn nộp bà Hà có lời nói thừa nhận “*số tiền hai trăm mấy chục triệu của mày tao trả chứ tao không mất mũi nào ăn của mày đâu*”. Ngoài ra bà Hà còn thông tin bà còn nhiều tài sản là 9 đến 10 lô đất chứ không phải không còn tài sản, ai mua bà sẽ bán trừ nợ, không mua thì chờ bà Hà bán đất, bán nhà bà Hà trả cho; Như vậy có thể thấy việc bà Hà khai chỉ nợ ông K 251.200đ là không đúng thực tế, không có cơ sở để tin lời nói của bà Hà là sự thật.

Ông Nguyễn V tại Đơn trình bày đề ngày 05/02/2025 nêu ý kiến cho rằng: Thứ nhất, ông K cho rằng tiền nợ là tiền chơi hui ông K phải khởi kiện bằng vụ án khác, chứ không phải yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này. Thứ hai, đối với số tiền ông K khởi kiện yêu cầu bà Hà trả là 251.200.000đ, thì bà Hà đã trả lời là không nợ số tiền trên, theo lời khai của bà Hà thì bà Hà chỉ mua hàng hóa của ông K và nợ số tiền 251.200đ, còn chứng cứ do ông K cung cấp là do ông K tự ghi thêm số 000 vào. Nên bị đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Hà là chủ hui đã được nhiều người làm chứng xác nhận. Mặt khác khoản nợ và số nợ 251.000.000đ mà bà Hà ghi giấy xác nhận nợ ông K là khoản nợ phát sinh từ việc chơi hui, điều này cũng đã được chứng minh qua cuộc hội thoại giữa bà P (vợ ông K) với bà Hà.

Việc bà Hà cho rằng chỉ nợ ông K 251.200.000đ từ việc mua hàng hóa ông K, điều này không có cơ sở để tin lời nói bà Hà là sự thật vì ông K là Bác sỹ không kinh doanh mua bán hàng hóa, hơn nữa không ai chỉ nợ 251.200đ mà phải bán nhà, đất để trả nợ như bà Hà khai. Nên không chấp nhận ý kiến, đề xuất của Luật sư Nguyễn V là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H.

[4] Về án phí: Bị đơn Bà Hà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính được là: 12.560.000đ (*Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 274, 275, khoản 4 Điều 278, Điều 280, Điều 471 BLDS 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan K:

Buộc bà Nguyễn Thị H (Đông) phải trả cho ông Phan K số tiền là 251.200.000đ (*Hai trăm năm mươi một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 12.560.000đ (*Mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 6.280.000đ (*Sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013158 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (28/3/2025), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn